TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DSST
Ngày: 17-6-2019
"V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và T sản trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Tự
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Dương Thành Huynh
Ông Nguyễn Văn Dình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoản là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà*:* Ông Thạch Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và T sản trên đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2019/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Hiện đang tạm trú tại địa chỉ Số 49E k8, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Ông Lý B, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lý T, sinh năm 1949. Nơi cư trú: Số 5 đường Phú Hòa, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

2. Ông Lý N. Hiện đang định cư tại Mỹ, không rõ địa chỉ (vắng mặt);

3. Ông Lý Quang B. Hiện đang định cư tại Mỹ, không rõ địa chỉ (vắng mặt);

4. Ông Lý H. Hiện đang định cư tại Mỹ, không rõ địa chỉ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lý Thị H trình bày*: Bà là con ruột của cụ Lý T và cụ Lý Trịnh T,

cụ T và cụ T sống với nhau có 08 người con chung nhưng đã chết hai người không có gia đình, hiện còn sống 06 người gồm Lý T, Lý T H, Lý B, Lý N, Lý Quang B và Lý H. Cụ T chết năm 1994, cụ T chết năm 2009. Sau khi cha và mẹ bà chết có để lại T sản gồm căn nhà chính một trệt ba lầu diện tích 58,5 m^2 và căn nhà phụ phía sau diện tích 36,5 m^2 thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do cụ Lý Trịnh T đứng tên kê khai. Năm 2016, căn nhà chính một trệt ba lầu nói trên anh em bà tranh chấp chia thừa kế với nhau, đã được Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết xong bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật; còn căn nhà phụ 36,5 m^2 nói trên thì từ năm 1992, khi mẹ của bà còn sống có cho bà về sống tại căn nhà này, thời điểm đó hiện trạng căn nhà là vách lá, mái lá, nền tráng xi măng dùng để làm lò bánh mì, sau đó bà tiến hành xây mới toàn bộ căn nhà (tường gạch, nền tráng xi măng, mái lá), đến năm 1998 thì bà có sửa chữa lại là nâng vách tường lên, lợp mái tole và lót gạch men. Trong quá trình sử dụng căn nhà thì ông Lý B cắt điện, cắt nước, không cho bà sử dụng nhà vệ sinh nhưng khi bà tiến hành xây dựng để xây dựng nhà vệ sinh riêng biệt thì ông B lại ngăn cản… đến ngày 07/9/2017 thì ông B đã cạy cửa, đập phá tường vào nhà bà, khóa chốt cửa bên trong không cho bà vào ở nên bà phải thuê nhà trọ sinh sống đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án chia cho bà được hưởng di sản thừa kế là diện tích đất 36,5 m^2 và căn nhà tọa lạc trên đất vì lúc mẹ bà còn sống đã cho bà ở trên căn nhà này.

** Bị đơn ông Lý B trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Khi mẹ ông còn sống thì có cho bà H về ở tạm trong căn nhà diện tích 36,5 m^2 này, hiện trạng căn nhà lúc đó là vách tường, nền láng xi măng và mái lợp lá, sau này thì bà H có nâng vách tường lên lợp tole và lót gạch men. Khi cha và mẹ ông qua đời không có để lại di chúc. Từ trước đến giờ ông vẫn đồng ý cho bà H ở trên căn nhà này nhưng bà H không ở mà cho người khác thuê để chứa những vật liệu dễ cháy, do căn nhà này sát vách phía sau căn nhà ông đang ở nên việc này là rất nguy hiểm nên ông mới đóng cửa lại không cho ai vào. Nay bà H muốn ở trong căn nhà này thì ông vẫn đồng ý cho bà H ở nhưng bà H không được cho người khác thuê hoặc bán cho người khác và ông không đồng ý tách thửa sang tên cho bà H đứng tên quyền sử dụng đất.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý T vắng mạt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày:* Hiện tại bà H không còn chỗ ở nào khác, phải ở nhà trọ nên ông đồng ý giao căn nhà cho bà H tiếp tục quản lý sử dụng. Cá nhân ông không yêu cầu chia thừa kế, kỷ phần của ông thì ông xin tự nguyện giao cho bà H nhận, ông cam kết không khiếu nại gì về sau.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Lý N, Lý Quang B, Lý H, hiện đều đang định cư tại Mỹ, các đương sự trong vụ án không ai biết được địa chỉ của những người này. Tòa án tiến hành xác minh cũng không có kết quả tìm thấy địa chỉ nên không có lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan này.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ,

thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định pháp luật.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Lý N, Lý Quang B, Lý H, hiện đều đang định cư tại Mỹ. Do các đương sự không cung cấp được địa chỉ cụ thể nên không thể thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp để ghi nhận ý kiến trình bày của họ đối với những vấn đề liên quan đến vụ kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự đó.

Về nội dung vụ án: Cụ Lý T chết năm 1994, cụ Lý Trịnh T chết năm 2009. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì còn thời hiệu chia thừa kế.

Xác định di sản do cụ T và cụ T chết để lại: Đối chiếu với các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự thì có căn cứ xác định diện tích 36,5m^2 nằm trong tổng diện tích 95m^2 thửa 79, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là di sản thừa kế do cụ T và cụ T chết để lại. Đối với căn nhà cấp 4 nằm trên phần đất này nguyên đơn bà Lý Thị H cho rằng căn nhà này là do bà bỏ tiền ra xây dựng, không phải là di sản do các cụ để lại. Tuy nhiên, đối chiếu với tất cả các lời trình bày của ông B, ông T và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh cũng như lời trình bày của bà H thể hiện nội dung hai căn nhà trên diện tích 95m^2 là do cha mẹ bà cất để lại và trong quá trình quản lý, sử dụng thì bà có đứng ra sữa chữa chứ không xây mới hoàn toàn (tại bút lụt số 76, 153, 154, 155, 160). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xác định phần đất tranh chấp có diện tích 36,5m^2 nằm trong tổng diện tích 95m^2 thửa 79, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và căn nhà cấp 4 nằm trên phần đất 36,5m^2 là di sản do cụ Lý T và cụ Lý Trịnh T chết để lại, tuy nhiên sẽ trừ ra chi phí những phần mà bà H đã bỏ ra để sữa chữa trên giá trị hiện tại của căn nhà.

Căn cứ vào quy định tại các Điều 609, 611, 612, 618, 623 và Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà Lý T H đối với phần di sản do cụ Lý T và cụ Lý Trịnh T chết để lại là phần diện tích 36,5m^2 nằm trong tổng diện tích 95m^2 thửa 79, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và căn nhà trên phần diện tích 36,5m^2 theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, phần di sản này không thể chia bằng hiện vật được vì nếu chia bằng hiện vật thì các đồng thừa kế sẽ không sử dụng được. Do các bên đương sự đều thừa nhận khi cụ T còn sống đã cho bà H về sinh sống tại căn nhà cho đến năm 2017 thì ông B khóa cửa lại nên bà H mới đi thuê nhà trọ ở, hiện tại bà H không còn chỗ ở nào khác, phải đi thuê nhà trọ ở. Nghĩ nên tiếp tục giao căn nhà này cho bà H tiếp tục quản lý sử dụng, chia giá trị căn nhà ra làm 06 phần bằng nhau, buộc bà H có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần bằng tiền lại cho các đồng thừa kế, đối với kỷ phần

của ông Lý T thì ông T đã tự nguyện giao cho bà H là phù hợp với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, khi chia giá trị của căn nhà thì phải xem xét đến công quản lý di sản của bà Lý H theo quy định tại Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với giá trị các kỷ phần của các đồng thừa kế là ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H được chia sẽ tạm giao cho bà H tiếp tục quản lý sau đó giao lại cho ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý T khi có yêu cầu. Bà Lý H phải thực hiện nghĩa vụ nộp thay phần án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí thẩm định, định giá T sản tranh chấp cho những người này trên phần giá trị phần di sản mà họ được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh nhận định:

[1] Về thẩm quyền: nguyên đơn bà Lý Thị H khởi kiện yêu cầu được hưởng di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại, bị đơn ông Lý B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý T thống nhất tài sản tranh chấp là di sản do cha mẹ chết để lại, xác định đây là tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, T sản trên đất được quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Lý T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đối với ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H vắng mặt, hiện các ông đang định cư tại Mỹ nhưng người thân sinh sống tại Việt Nam không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện tại. Căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Các đương sự trong vụ án gồm bà Lý Thị H, ông Lý B và ông Lý T đều thống nhất có chung lời trình bày là quá trình chung sống cụ Lý T và Lý Trịnh T có 08 (tám) người con nhưng đã chết hai người không có gia đình, còn lại 06 (sáu) người con là Lý Thị H, Lý B, Lý N, Lý Quang B, Lý H và Lý T. Sau khi cụ T và cụ T chết có để lại diện tích đất 95m^2 thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do cụ T kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên phần diện tích đất có T sản là 01 căn nhà tường một trệt ba lầu diện tích 58,5m^2 (hiện do ông B đang ở - ngôi nhà này ông B và bà H tranh chấp thừa kế đã được Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, giao căn nhà cho ông B được hưởng dụng nhưng phải thanh toán cho các đồng thừa kế khác giá trị bằng tiền) và một căn nhà diện tích 36,5m^2 (hiện do bà H đang ở).

Đây là tình tiết vụ án được tất cả các đương sự thừa nhận, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Cụ Lý T chết năm 1999, cụ Lý Trịnh T chết năm 2004. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì còn thời hiệu chia thừa kế. Đối với căn nhà cấp 4 diện tích 36,5 m^2 nằm trong tổng diện tích 95m^2 thửa 97, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nguyên đơn bà Lý Thị H trình bày không phải là di sản do cụ Lý T và cụ Lý Trịnh T chết để lại vì khi bà vào ở trong căn nhà này thì hiện trạng căn nhà là vách lá, nền tráng xi măng, mái lợp lá, dùng làm lò nướng bánh mì, năm 1992 bà tiến hành phá dỡ toàn bộ và xây lại căn nhà với hiện trạng là vánh tường, nền láng xi măng, mái lá và đến năm 1998 thì sửa chữa lại là nâng vách tường lên để lợp mái tole và lót gạch men. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh có ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp T liệu, chứng cứ số 05/QĐ-CCTLCC ngày 09/4/2019 và tống đạt cho bà H nhận nhưng bà H vẫn không cung cấp được T liệu, chứng cứ nào để chứng minh là bà có xây dựng mới căn nhà này vào năm 1992. Mặt khác, tại các T liệu, chứng cứ lưu trữ trong hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 15/2015/DSST ngày 03/11/2015 (tại bút lụt số 153, 154, 155, 160) bà H hoàn toàn không có lời khai xây dựng mới căn nhà mà bà trình bày là trong quá trình sử dụng thì bà đã bỏ ra chi phí 20.000.000 đồng để sửa chữa căn nhà, lời khai này là phù hợp với lời khai của ông Lý B, ông Lý T và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (tại bút lụt số 114, 115, 116 và 117).

Vì vậy, có cơ sở xác định phần diện tích đất tranh chấp là 36,5 m^2 nằm chung trong tổng diện tích 95m^2 thửa 97, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và căn nhà cấp 4 nằm trên phần đất này là di sản do cụ Lý T và cụ Lý Trịnh T chết để lại.

[5] Nguyên đơn bà Lý Thị H yêu cầu được hưởng thừa kế di sản do cha mẹ bà chết để lại là diện tích 36,5 m^2 nằm trong tổng diện tích 95m^2 thửa 97, tờ bản đố số 01, tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và căn nhà cấp 4 trên đất này là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, phần di sản này không thể chia bằng hiện vật bởi khi chia bằng hiện vật thì các đồng thừa kế sẽ không sử dụng được vì diện tích nhà quá hẹp. Vì vậy, nghĩ nên giao cho bà H được hưởng nhà và đất tranh chấp và bà H thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác bằng tiền tương đương một suất thừa kế theo quy định của pháp luật sau khi đã trừ ra chi phí nâng cấp, sửa chữa của bà H sẽ hợp tình, hợp lý hơn vì bà H hiện nay không có chỗ ở nào khác, phải đang thuê nhà trọ để ở.

Theo Biên bản định giá ngày 15/02/2019 xác định giá trị căn nhà là 188.735.200 đồng. Tuy nhiên, qua lời trình bày của các đương sự và qua kết quả xác minh, đo đạc của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh có căn cứ xác định quá trình về ở trong căn nhà này bà H có tiến hành sửa chữa hiện trạng căn nhà như nâng vách tường lên diện tích là 19,6m^2 để lợp mái tole thay cho mái lá cũ, lót nền gạch men (tại bút lụt số 91A, 91B, 114, 115, 116, 117), giá trị các phần sửa chữa là 12.526.800đ (tại bút lụt số 167). Vì vậy, cần phải trừ cấn phần chi phí này trong khối di sản của cụ T và cụ T lại cho bà H. Mặt khác, căn cứ vào quy định tại Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cần xem xét đến công quản lý di

sản của bà H nên cần trích 20.000.000đ trong khối di sản của các cụ cho bà H là phù hợp với quy định pháp luật. Như vậy, xác định di sản của cụ Lý T và cụ Lý Trịnh T chết là căn nhà cấp 4 diện tích 36, 5m^2 có giá trị là 156.208.400 đồng.

Phần di sản này được chia làm sáu phần bằng nhau cho sáu người con của cụ Lý T và cụ Lý Trịnh T mỗi người được nhận 01 phần là 26.035.000đ. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị bằng tiền của mỗi kỷ phần cho ông Lý B và ông Lý T. Quá trình giải quyết vụ án ông Lý T từ chối nhận di sản thừa kế và ông tự nguyện giao lại kỷ phần của ông cho bà H hưởng, đây là ý chí tự nguyện của ông Lý T, không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H hiện đang định cư tại Mỹ thì mỗi người sẽ được hưởng một kỷ phần thừa kế có giá trị bằng tiền là 26.035.000đ. Hội đồng xét xử nghĩ nên tạm giao các kỷ phần của ba người này cho bà Lý H quản lý và sẽ có trách nhiệm giao lại cho họ khi có yêu cầu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý H, ông Lý B, ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá trị của kỷ phần mà các ông bà được chia.

[7] Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Lý H, ông Lý B, ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H phải chịu chi phí thẩm định, định giá theo quy định pháp luật.

Do kỷ phần của ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H được chia sẽ tạm giao cho bà H tiếp tục quản lý. Do đó phần án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí thẩm định, định giá T sản tranh chấp ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H phải nộp sẽ do bà Lý H nộp thay được trích ra từ phần tiền mà họ được chia để nộp án phí và lệ phí của họ theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhận định trên của Tòa án và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 147, 157, 165, 166, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 618, 623, 650 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 100, 179 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H.

Tuyên bố: Quyền sử dụng đất tranh chấp diện tích 36,5 m^2 nằm trong tổng diện tích 95m^2 thửa 97, tờ bản đố số 01, tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và căn nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất này có giá trị thành tiền là 156.208.400 đồng là di sản do cụ Lý T và cụ Lý Trịnh T chết để lại.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lý T và Lý Trịnh T gồm 06 (sáu) người là Lý H, Lý B, Lý T, Lý N, Lý Quang B và Lý H. Như vậy giá trị di sản sẽ được chia làm 06 phần bằng nhau (156.208.400đ:6= 26.035.000đ), mỗi đồng thừa kế hưởng một phần là 26.035.000 đồng. Giao bà H được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích 36,5 m^2 nằm trong tổng diện tích 95m^2 thửa 97, tờ bản đố số 01, tọa lạc tại Số 4 Trần P, k6, p6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và được quyền sở hữa căn nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất này. Tứ cận như sau:

Hướng Đông: giáp thửa 80 có số đo là 4.70m và giáp đường bê tông có số đo là 3.24m

Hướng Tây: giáp thửa 78 có số đo là 4.05m và 4.06m

Hướng Nam: giáp đường bê tông có số đo 4.08m

Hương Bắc: giáp thửa 79 có số đo 0.34m và giáp thửa 79, 80 có số đo là 5.44m

(Kèm theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 78/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 06/3/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh)

Bà Lý Thị H được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà nói trên theo quyết định của bản án này.

Bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế là ông Lý B, ông Lý Quang B, ông Lý H và ông Lý N mỗi người một kỷ phần là 26.035.000đ.

Tạm giao cho bà Lý H quản lý kỷ phần của ông Lý Quang B, ông Lý N và ông Lý H, mỗi kỷ phần là 26.035.000đ và bà H có trách nhiệm giao lại cho những người này khi họ yêu cầu. Riêng phần tiền nêu trên của ông Lý B, bà H phải thanh toán cho ông Lý B sau khi án có hiệu lực pháp luật; phần hưởng của ông Lý T, ông T đã cho bà H hưởng, do đó bà H không phải thanh toán cho ông T khoản tiền nào.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý B, ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H mỗi người phải chịu 1.302.000 đồng.

Bà Lý H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.604.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu số AA/2015 0014200 ngày 04/01/2018 do Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh thu. Bà H có nghĩa vụ nộp đủ số tiền còn lại.

3. Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng cộng chi phí là 1.918.486 đồng.

Ông Lý B, ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H mỗi người phải chịu 320.000 đồng.

Bà Lý Thị H phải chịu 640.000 đồng. Do bà H đã nộp tạm ứng trước nên số tiền thu được từ ông Lý B, ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H thu được sẽ giao lại cho bà Lý H.

Số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá còn lại là 1.082.000 đồng, bà H liên hệ đến Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh để được nhận lại.

Do kỷ phần của ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H tạm giao cho bà Lý H quản lý nên phần án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá mà ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H có nghĩa vụ phải chịu thì sẽ buộc bà Lý H trích ra từ phần tiền mà ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H được hưởng thừa kế mà giao bà H tạm quản lý để nộp cho ông Lý N, ông Lý Quang B và ông Lý H.

Án xét xử công khai, báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường, T trấn tại nơi cư trú theo quy định pháp luật.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Minh Tự